

(Thời gian làm bài 40 phút)

Họ và tên:.....
Lớp: 1.. ... Trường tiểu học.....

Họ tên giáo viên coi kiểm tra	Họ tên giáo viên chấm bài kiểm tra
.....
.....

Điểm bài kiểm tra	Nhận xét của giáo viên chấm bài kiểm tra

I. TRẮC NGHIỆM: Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng:

Câu 1: a) Trong các số: 35, 98, 74, 69 số nào lớn nhất

- A . 35 B . 74 C . 98 D . 69

b) Trong các số: 69, 74, 98, 35 số nào bé nhất

- A . 69 B . 98 C . 74 D . 35

Câu 2: Nói:

$20 + 29$

$36 + 12$

$99 - 12$

$48 - 36$

49

12

87

48

Câu 3: Đúng ghi đ, sai ghi s vào ô trống sau mỗi ý dưới đây

a) $77 - 7 - 0 = 77$

c) $65 - 33 < 33$

b) $90 + 5 > 94$

d) $63 = 36$

Câu 4: Trong các số 25; 46; 60; 07; 90 số tròn chục là:

- A. 25; 60 B. 46 ; 90 C. 60; 90 D. 07; 60

Câu 5 : Đồng hồ dưới đây chỉ mấy giờ?



A. 6 giờ	B. 7 giờ	C. 4 giờ	D. 12 giờ
----------	----------	----------	-----------

II. TỰ LUẬN:

Câu 6: Tính nhẩm

$3 + 36 = \dots\dots\dots$

$45 - 20 = \dots\dots\dots$

$38 \text{ cm} - 10\text{cm} = \dots\dots\dots$

$60\text{cm} + 5\text{cm} = \dots\dots\dots$

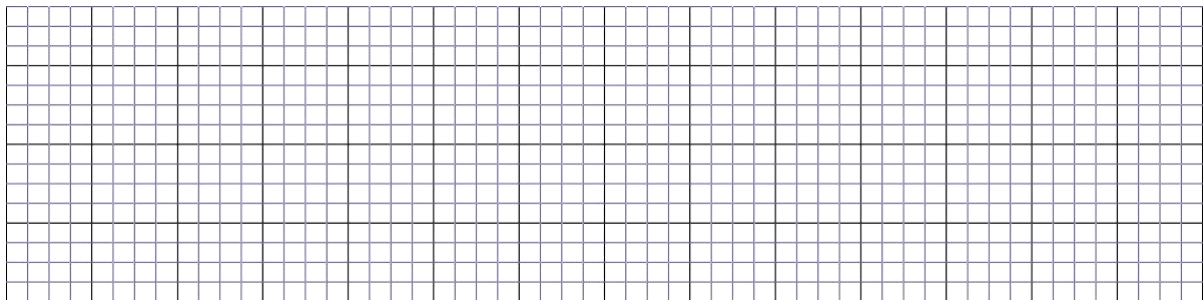
Câu 7: Đặt tính rồi tính:

$26 + 6$

$76 + 20$

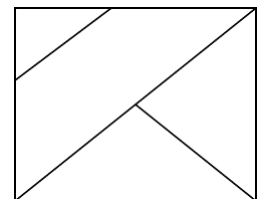
$68 - 31$

$75 - 45$



Câu 8: cho hình vẽ

- a. Trong hình có bao nhiêu hình vuông? Có.....Hình vuông
- b. Trong hình có bao nhiêu hình tam giác? Có.....Hình tam giác



Câu 9: Lớp 1A trồng được 14 cây, lớp 1B trồng được 22 cây. Hỏi cả hai lớp trồng được bao nhiêu cây?

Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$



Trả lời: Cả hai lớp trồng được \square cây.

Câu 10: Cho ba số 43 ; 68; 25 và các dấu +; -; = hãy viết các phép tính đúng

.....
.....

TRƯỜNG TIỂU HỌC HỌ TÊN: LỚP: 1....	SỐ THỨ TỰ	KTĐK CUỐI HỌC KÌ II (NH 2024-2025)	
		MÔN TOÁN - LỚP 1	
		Thời gian: 35 phút (Ngày .../ 5 /2025)	
		GIÁM THỊ 1	GIÁM THỊ 2

ĐIỂM	NHẬN XÉT	GIÁM KHẢO 1	GIÁM KHẢO 2
		

(3 điểm) / 0.5đ	PHẦN A. TRẮC NGHIỆM Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng. Câu 1: Số 36 gồm : A. 3 chục và 6 đơn vị B. 36 chục C. 6 chục và 3 đơn vị		
.... / 0.5đ	Câu 2: Các số 79, 81, 18 được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là: A. 79,18, 81 B. 81, 79, 18 C. 18, 79, 81		
.... / 0.5đ	Câu 3: Số lớn nhất có 2 chữ số là: A. 90 B. 10 C. 99		
.... / 0.5đ	Câu 4: Đọc là tờ lịch ngày hôm nay. A. Thứ sáu, ngày 11 B. Thứ ba, ngày 11 C. Thứ tư, ngày 11		
.... / 0.5 đ	Câu 5: Trong hình bên có bao nhiêu khối lập phương? A. 10 B. 20 C. 30		
.... / 0.5 đ	Câu 6: Điền vào chỗ trống: Đồng hồ chỉ		

(7 điểm)
...../ 3đ

PHẦN B. TỰ LUẬN

Bài 1:

a. Đặt tính rồi tính:

$$35 + 24$$

$$76 - 46$$

b. Tính nhẩm

$$30 + 30 = \dots\dots$$

$$70 - 40 - 10 = \dots\dots$$

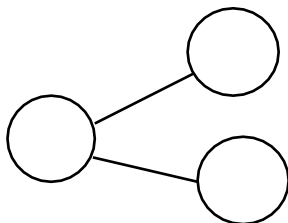
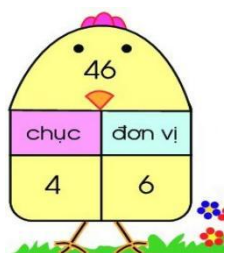
c. Điền >, <, =

$$34 \dots\dots 43$$

$$40 + 30 \dots\dots 60$$

...../ 1đ

Bài 2: Điền số thích hợp vào sơ đồ:



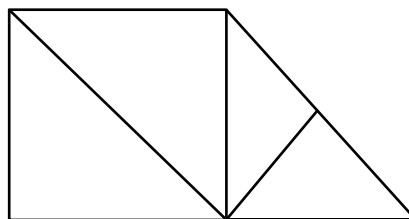
...../1,5đ

Bài 3:

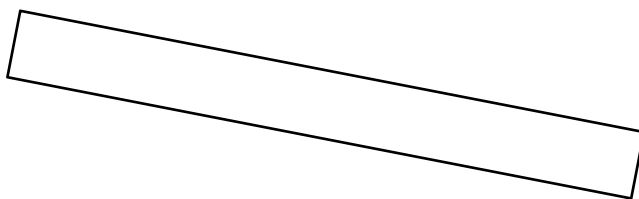
a. Hình vẽ bên có:

..... hình vuông

..... hình tam giác



b. Băng giấy dài bao nhiêu cm?



.....

...../ 1đ	Bài 4: Viết phép tính rồi nói câu trả lời: Bạn Trang hái được 10 bông hoa, bạn Minh hái được 5 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa? Phép tính: Trả lời:
...../ 0.5đ	Bài 5: Điền số thích hợp vào chỗ trống: Số là số liền sau của 50 và liền trước của 52.

